TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
Nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;

2. Ông Vũ Hoàng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phàng A S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Sùng Thị L, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phàng A S trình bày:

Anh và chị Sùng Thị L đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào ngày 24-8-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, gia đình khó khăn phải đi làm ăn xa, vì xa nhau nên vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa anh và chị L vợ chồng đã tự hòa giải và hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh được ly hôn chị Sùng Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Phàng A K, sinh ngày 14-7-2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Phàng A K và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Sùng Thị L hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng chị L đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L về yêu cầu giải quyết ly hôn của anh S đối với chị L. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị L cư trú, kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh S chị L về chung sống với nhau tại P, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái, hiện nay chị L vẫn có hộ khẩu cư trú tại đây, tháng 7 năm 2023 anh S và chị L xảy ra mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh S và chị L có 01 con chung là Phàng A K, sinh ngày 14-7-2016, khi anh S và chị L xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà bố mẹ tại xã P thì cháu K vẫn được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng, vẫn được đi học và điều kiện chăm sóc tốt.

Tại biên bản xác minh tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; ông Sùng A T là Trưởng thôn cho biết: Chị Sùng Thị L và anh Phàng A S kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn chị L chuyển khẩu về thôn P, xã B, huyện T, quá trình chung sống chị L và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông Sùng A N và bà Thào Thị S tại thôn P, xã P, huyện T. Hiện nay chị L có mặt tại thôn P, xã P, các văn bản Tòa án gửi cho chị L đều được thôn gửi trực tiếp cho chị L, tuy nhiên chị L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Phàng A K trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố Phàng A S vì bố quan tâm chăm sóc cháu hơn, mẹ cháu ở xa không có thời gian quan tâm, chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phàng A S, cho anh Phàng A S được ly hôn với chị Sùng Thị L.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Phàng A S trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Phàng A K, sinh ngày 12-7-2016. Chị Sùng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không đề nghị Toà án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho anh Phàng A S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Về thẩm quyền: Bị đơn chị Sùng Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái và hiện này đang sinh sống tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tố tụng: Sau khi anh S có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Sùng Thị L đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng chị L đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Phàng A S khởi kiện xin ly hôn bị đơn chị Sùng Thị L và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng

con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàng A S kết hôn với chị Sùng Thị L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào năm 2016. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, gia đình khó khăn phải đi làm ăn xa, vì xa nhau nên vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông Sùng A N và bà Thào Thị S tại thôn P, xã P, huyện T từ tháng 7 năm 2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Phàng A S và chị Sùng Thị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc cho anh S ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Phàng A S và chị Sùng Thị L có 01 con chung là Phàng A K, sinh ngày 12-7-2016, khi ly hôn anh S có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Phàng A K và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi anh S và chị L ly thân đến này việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phàng A K do anh S thực hiện đúng như anh S trình bày, con chung vẫn được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phàng A K có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, để cháu K có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của cháu cần chấp nhận yêu cầu của anh S, tiếp tục để con chung là Phàng A K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh S, sau khi ly hôn chị L có quyền nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn anh Phàng A S là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh Kỷ có đơn đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Phàng A S.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phàng A S đối với chị Sùng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phàng A S được ly hôn chị Sùng Thị L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Phàng A K, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2016 cho anh Phàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Sùng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phàng A S được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; hoàn trả lại anh Phàng A S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số AA/2023/0000470 ngày 04-6-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, chị Sùng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp b*ản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Bản Mù;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên